

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP, BTXM ĐƯỜNG TỪ NHÀ VĂN HÓA THÔN VUÔNG ĐẾN TRƯỜNG MẦM NON CŨ
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ TRÀ THANH, HUYỆN TRÀ BÔNG, TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2025 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bông)

ĐVT: đồng

TT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	GXD	GXL1	604.540.674	48.363.254	652.903.928
1	Chi phí xây lắp	GXL1	Xem bảng dự toán chi tiết	604.540.674	48.363.254	652.903.928
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	GQLDA	GXD*3,024% (TT 12/2021/TT-BXD)	18.281.310		18.281.310
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	G_{TV}	H1+H2+H4+H3+H5	84.585.959	6.766.877	91.352.836
1	Chi phí khảo sát địa hình	H1	Xem bảng tổng hợp	28.577.325	2.286.186	30.863.511
2	Chi phí lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật	H2	GXD*5,4%*1,08 (TT 12/2012/TT-BXD)	32.645.196	2.611.616	35.256.812
3	Chi phí giám sát thi công xây dựng công trình	H3	GXD*3.203%*1,08 (TT 12/2021/TT-BXD)	19.363.438	1.549.075	20.912.513
4	Chi phí thẩm tra TKBV - TC	H4	GXD*0,170%*1,08 (TT 12/2021/TT-BXD)	2.000.000	160.000	2.160.000
5	Chi phí thẩm tra dự toán	H5	GXD*0,166%*1,08 (TT 12/2021/TT-BXD)	2.000.000	160.000	2.160.000
IV	CHI KHÁC	G_K	K1+K2+K3	6.988.044	-	6.988.044
1	Chi phí thẩm định Báo cáo KTKT	K1	(H4+H5)*15% (TT 12/2021/TT-BXD)	600.000	-	600.000
2	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	K2	H3*10%	1.936.344	-	1.936.344
3	Chi phí thẩm tra quyết toán (Theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP)	K3	(V _{tm} -G _{dp})*0.57%	4.451.700	-	4.451.700
VI	DỰ PHÒNG CHI	G_{DP}	V _{tm} -(G _{xd} +G _{qlda} +G _{tv} +G _k)			11.473.882
	TỔNG CỘNG	V_{tm}	I+II+III+IV+V+VI			781.000.000

Bảng chữ: Bảy trăm tám mươi một triệu đồng./.